

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2019/HS-ST**

Ngày 12-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N** (tên gọi khác: N1)

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995 tại xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Cường và bà Đặng Thị X; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: không; bắt tạm giam từ ngày 24/4/2019; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Phan Văn V, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Phạm Hoàng K, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Đặng Thị X, sinh năm 1966 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Nguyễn An L2, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Nguyễn Vũ H, sinh năm 1997 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước nên vào lúc khoảng 00 giờ ngày 18/10/2018 trong lúc đang uống bia tại nhà Nguyễn An L2 ở ấp 8, xã K, Nguyễn Văn N gặp Phan Văn V, Phạm Hoàng K, Nguyễn Văn L1 Nguyễn Vũ H cũng đến nhà L2 để uống bia thì nảy sinh ý định đánh V để trả thù. Sau đó N về nhà lấy một con dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 80 cm đem đến khu vực sân nhà L2 gần lộ xe để gần lối ra vào nhà rồi vào uống bia tiếp. Khoảng 10 phút sau V, K, L1, H từ giã đi về thì N đứng dậy và dùng lời lẽ thách thức, nói xong N đi ra sân gần lộ xe lấy dao đứng đợi để đánh nhóm người của V. Lúc này V, L1, H đi về còn K ngồi lại nói chuyện với L2 trước cửa ra vào nhà của L2. Đi đến gần lộ xe thì V, L1 và H thấy N đang đứng và cầm dao chờ sẵn. N cầm dao xông đến chém L1, L1 né tránh và bỏ chạy. N quay sang chém V trúng vào vai phải và lưng phải gây thương tích. V té xuống đất thì N xông tới chém H, H né tránh và bỏ chạy. N đi vào nhà nhìn thấy K đang ngồi ở hàng ba, N nói “còn thằng nào ở trong nhà không tao xử luôn” thì K nói “còn tao nè” và xông tới thì N dùng dao tự chế chém K nhiều cái trúng vào vùng trán đỉnh trái, cẳng tay phải và mu bàn tay phải gây thương tích. K bỏ chạy vào nhà, L2 ra can ngăn nên N đi ra sân và lên xe chạy về nhà. Khi về tới nhà N nói lại sự việc với mẹ ruột là bà Đặng Thị X và đưa dao tự chế cho bà X. Sau đó N lấy quần áo và bỏ đi. Bà X đem dao tự chế của N đưa ném xuống sông trước nhà. K và V được đưa đến Trung tâm Y tế huyện U điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 284/TgT ngày 23/11/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Phan Văn V:

- 01 vết sẹo vùng vai phải (cơ delta cánh tay phải), kích thước 11cm x 0,2cm. Tỷ lệ 5%. Do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra.

- 01 vết sẹo vùng lưng phải (dưới bả vai phải), kích thước 7,5cm x 0,5cm. Tỷ lệ 4%.

Tổng tỷ lệ thương tích 09%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 285/TgT ngày 27/12/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Phạm Hoàng K:

- 01 vết sẹo vùng trán đỉnh trái, kích thước 9cm x 0,2cm. Tỷ lệ 3%. Do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra.

- 01 vết sẹo hình chữ “C” 1/3 giữa mặt trước cẳng tay phải, kích thước 11cm x 0,2cm. Tỷ lệ 4%. Do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra.

- 01 vết sẹo mu bàn tay phải (kê xương bàn I, II) kích thước 10cm x 0,3cm. Tỷ lệ 3%. Do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra.

+ Nút sọ trán trái. Tỷ lệ 8%. Do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra.

Tổng tỷ lệ thương tích 17%.

Tang vật thu giữ gồm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu trắng xanh biển số 96H1 - 247.35 của bị cáo Nguyễn Văn N. Đối với cây dao tự chế N dùng để gây thương tích cho V và K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh đã tiến hành mò tìm nhưng không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 25/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Bị hại Phan Văn V xác định đã nhận được số tiền 5.500.000 đồng do gia đình bị cáo bồi thường. Bị hại V yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 9.105.000 đồng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Phạm Hoàng K xác định đã nhận được số tiền 5.500.000 đồng do gia đình bị cáo bồi thường. Bị hại K yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 12.970.000 đồng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Đặng Thị X yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ để gia đình có phương tiện đi làm thuê, xe do gia đình mua cho bị cáo sử dụng, hiện nay hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, không đất đai canh tác, không nghề nghiệp ổn định, thu nhập bấp bênh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: về trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại Phan Văn V số tiền 9.105.000 đồng và bị hại Phạm Hoàng K số tiền 12.970.000 đồng. Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng - xanh mang biển số 69H1 - 247.35.

Lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Văn N nhận thấy hành vi của mình là sai, rất ăn năn hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về

làm người công dân cho xã hội, chăm lo cho gia đình do cha mẹ lớn tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho những người tham gia tố tụng nhưng người làm chứng Nguyễn An L2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy lời khai của anh L2 có tại hồ sơ đã rõ nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L2.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận vào khoảng 00 giờ ngày 18/10/2018 trong lúc đang uống bia tại nhà của Nguyễn An L2 ở ấp 8, xã K, huyện U cùng với Phan Văn V, Phạm Hoàng K, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Vũ H, N nhớ lại mâu thuẫn trước đây giữa N và V nên nảy sinh ý định đánh V để trả thù. N về nhà lấy một con dao tự chế rồi trở lại nhà của L2 để gần lối ra vào rồi vào nhà uống bia tiếp. Khoảng 10 phút sau khi mọi người từ giã ra về thì N ra sân lấy dao chờ sẵn, khi nhóm người của V đi đến gần thì N dùng dao chém L1 nhưng L1 bỏ chạy. N quay sang chém V 01 cái trúng vào vùng bụng không gây thương tích và 01 cái trúng vào vai phải và lưng phải gây thương tích. Khi V quỵ xuống thì N tiếp tục xông tới chém H nhưng H kịp bỏ chạy. N đi vào nhà tiếp tục dùng dao chém K nhiều cái trúng vào vùng trán đỉnh trái, cẳng tay phải và mu bàn tay phải gây thương tích. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Phan Văn V là 09%, của Phạm Hoàng K là 17%.

Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, Biên bản thực nghiệm điều tra, Bản kết luận giám định pháp y về thương tích đối với các bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 25/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tuy nhiên do bị cáo dùng dao chém nhiều người và gây thương tích cho bị hại V với tỷ lệ 09% và bị hại K với tỷ lệ 17% thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát

không truy tố bị cáo theo phân tích nêu trên là thiếu sót nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng thêm điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự khi xác định tội danh của bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác là đối tượng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng dao chém người khác gây thương tích là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện một cách quyết liệt. Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo bỏ đi khỏi nơi cư trú gây khó khăn cho quá trình điều tra vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt; đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy chỉ vì mâu thuẫn nhỏ đã được giải quyết trước đó mà bị cáo gây thương tích cho các bị hại nên hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại V 9.105.000 đồng và bị hại K 12.970.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với cây dao tự chế bị cáo dùng để gây thương tích cho các bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành mò tìm nhưng không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu trắng xanh biển số 96H1-247.35 là phương tiện di chuyển của bị cáo, không trực tiếp sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là phù hợp nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 134; Điều 48; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự; các điều 106, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N (tên gọi khác: N1) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N (tên gọi khác: N1) 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 24/4/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N (tên gọi khác: N1) tiếp tục bồi thường cho bị hại Phan Văn V số tiền 9.105.000 đồng và bị hại Phạm Hoàng K số tiền 12.970.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng - xanh, mang biển số 69H1 - 247.35, số máy E3T6E102409, số khung 1720GY012598 (cũ, đã qua sử dụng, có chìa khóa xe) hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện U quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/7/2019.

5. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo phải nộp 1.104.000 (một triệu một trăm lẻ bốn ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh;
- Công an huyện U Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý